

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/KDTM-ST
Ngày 16-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Tú Nhi.
- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 103/2025/TLST-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 61/2025/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST-KDTM ngày 24/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần P1; trụ sở: số A N, phường T, tỉnh Phú Yên; địa chỉ liên hệ: Công ty L, tầng 4, toà nhà XL, số A T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Nhật T; địa chỉ: tầng D, toà nhà X, số A T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ngày 06/6/2025). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH B; địa chỉ: thửa đất số 702, tờ bản đồ số 3, đường T, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Huỳnh Thanh V, sinh năm 1976; địa chỉ: số A khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Nhật T trình bày:

Vào ngày 08/9/2023, Công ty TNHH B (gọi tắt Công ty B) đã ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số: BDG0040//HĐMB và Phụ lục 1 Hợp đồng mua bán hàng hóa số BDG0040//HĐMB với Công ty cổ phần P1 (gọi tắt Công ty P1). Nội dung của hợp đồng: Công ty P1 cung cấp cho Công ty B các hàng hoá, vật phẩm trong lĩnh vực y tế, thời hạn thanh toán: 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn, phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thực hiện theo hợp đồng, Công ty P1 đã giao hàng theo đúng thời hạn và số lượng đã thỏa thuận. Tổng giá trị các đơn hàng theo các Hóa đơn giá trị gia tăng là 3.747.510.067 đồng. Công ty B mới thanh toán được số tiền 24.033.993 đồng; còn nợ: 3.723.476.074 (ba tỷ bảy trăm hai mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi bốn) đồng. Công ty P1 đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền nợ theo đúng thỏa thuận, nhưng Công ty B không thanh toán, đã làm ảnh hưởng đến nguồn tài chính của P.

Nhận thấy, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số: BDG0040//HĐMB và Phụ lục 1 Hợp đồng mua bán số BDG0040//HĐMB. Vì vậy, Công ty P1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty B thanh toán cho Công ty P1 số tiền nợ gốc là: 3.723.476.074 (ba tỷ bảy trăm hai mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 9,5%/năm: 610.136.624 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là: 4.333.612.698 đồng.

- Về phía bị đơn Công ty TNHH B: sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn Công ty TNHH B có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của Công ty cổ phần P1 nhưng Công ty TNHH B không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/11/2025; tham gia phiên tòa vào các ngày 24/12/2025, ngày 16/01/2026 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 24/12/2025, ngày 16/01/2026 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại hợp đồng mua bán số BDG0040/HĐMB ngày 08/9/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận *“trong trường hợp hai bên không thể giải quyết tranh chấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết bởi toà án có thẩm quyền”*. Bị đơn có trụ sở tại: thửa đất số 702, tờ bản đồ số 3, đường T, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn yêu cầu lựa chọn Tòa án nơi bị đơn có trụ sở giải quyết tranh chấp. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét thấy, Hợp đồng mua bán số BDG0040/HĐMB ngày 08/9/2023 và Phụ lục 1 Hợp đồng mua bán số BDG0040/HĐMB được ký kết giữa người có thẩm quyền của nguyên đơn và bị đơn, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện giao kết, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn theo thỏa thuận là các hàng hoá, vật phẩm trong lĩnh vực y tế, về quy cách, số lượng, đơn giá và thành tiền được thể hiện cụ thể theo các hóa đơn giá trị gia tăng. Căn cứ các Hóa đơn giá trị gia tăng thì tổng giá trị hàng hóa nguyên đơn đã giao cho bị đơn là 3.747.510.067 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn mới thanh toán được số tiền 24.033.993 đồng. Số tiền nợ chưa thanh toán là: 3.723.476.074 đồng.

[4] Về tiền lãi chậm thanh toán: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi chậm thanh toán chậm thanh toán với mức lãi suất là 9,5% năm: 610.136.624 đồng tính sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn VAT và trừ số tiền hạn mức nợ 5.000.000 đồng.

[5] Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”* Căn cứ vào biểu lãi suất do Ngân hàng TMCP P2, Ngân hàng TMCP N, Ngân hàng TMCP C cung cấp thì mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là 9,5%/năm.

[6] Tổng giá trị các đơn hàng theo các Hóa đơn giá trị gia tăng là 3.747.510.067 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 31/7/2024, bị đơn mới thanh toán được số tiền 24.033.993 đồng của hóa đơn giá trị gia tăng ngày 03/12/2023. Số tiền nợ chưa thanh toán là: 3.723.476.074 đồng bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất 9,5/năm tương ứng với số tiền lãi là 610.136.624 đồng tính từ sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn VAT và trừ số tiền hạn mức nợ 5.000.000 đồng thỏa thuận của hợp đồng là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[7] Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là: 4.358.083.150 đồng.

[8] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 51 và Điều 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần P1 đối với bị đơn Công ty TNHH B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần P1 với tổng số tiền: 4.358.083.150 đồng; trong đó: tiền nợ gốc: 3.723.476.074 đồng và tiền lãi 610.136.624 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH B phải chịu 112.358.083 đồng.

Trả lại cho Công ty cổ phần P1 56.045.362 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027564 ngày 16/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh (01);
- VKSND KV 16, TP Hồ Chí Minh (01);
- Chi cục THADS KV 16, TP Hồ Chí Minh (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền

